TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2019
V/v: "Không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Ng đơn: Bà **Nguyễn Phương Tr** Sinh năm 1970

Địa chỉ: Nhà trọ KD, số nhà 7, tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Đ** Sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng CSXHVN

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu bán đảo LĐ, phường H L, quận Hi, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Th**, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng CSXHVN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh Ch**, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXHhuyện Lâm Hà.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Theo văn bản ủy quyền số 1972/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015)

(Ng đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng và bản tự khai bà Nguyễn Phương Tr trình bày: Bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà không được hòa thuận hạnh phúc do ông bà không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2017 nên ông bà đã ly thân và bà Tr ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng. Vì vậy, bà Tr yêu cầu Tòa án tU bố không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng. Về con chung: Bà và ông Đ có 03 con chung là Trần Thị Bảo U, sinh năm 1990, Trần Thị Bảo D, sinh năm 1992; Trần Hải Ng, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Đ thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét về vấn đề con chung. Về tài sản chung: Bà xác định giữa bà và ông Trần Văn Đ có tài sản chung là diện tích đất khoảng 4000 m^2 tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 kèm công trình phụ, 01 ao nuôi cá còn lại là cây cà phê kinh doanh; Diện tích đất vườn cà phê khoảng 1600 m^2 tại thôn T, xã T, huyện L. Ước lượng tổng giá trị tài sản là 650.000.000 đồng. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Đ thì bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia đôi số tài sản trên mỗi người một nửa. Về nợ chung: Bà Tr xác định bà và ông Đ có nợ Ngân hàng CSXHVN, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền 68.000.000 đồng. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Đ thì bà đề nghị bà và ông Đ mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho Ngân hàng.

Ngoài ra bà Tr không còn yêu cầu gì khác.

2. Tại bản tự khai của ông Trần Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Phương Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà không được hòa thuận hạnh phúc do ông bà không hợp nhau, vào năm 2017 ông và bà Tr phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên ông bà đã tự chia tay nhau. Nay bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Tr là vợ chồng thì ông Đồng

ý. Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là Trần Thị Bảo U, sinh năm 1990, Trần Thị Bảo D, sinh năm 1992; Trần Hải Ng, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Tr thì ông không yêu cầu Tòa án xem xét về vấn đề con chung. Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông Đ xác định vợ chồng ông bà có nợ Ngân hàng CSXHVN, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền 68.000.000 đồng. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Tr thì ông đề nghị ông và bà Tr mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho Ngân hàng.

Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXHVN, phòng giao dịch huyện Lâm Hà vắng mặt có đơn yêu cầu như sau:

Bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ có vay của Ngân hàng CSXHVN, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền 68.000.000 đồng/02 món vay từ Ch trình cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, nay ông bà đang làm thủ tục không công nhận là vợ chồng tại Tòa án. Ngân hàng đề nghị bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ trả cho Ngân hàng CSXHVN, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền là 70.223.304 đồng. Trong đó số tiền gốc là 68.000.000, số tiền lãi là 2.223.304 (tính đến ngày 24/12/2018).

Ngoài ra ngân hàng không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận ông Đ yêu cầu bà Tr phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông ½ số tiền lãi ông đã trả cho Ngân hàng chính sách từ khi bà Tr ra ngoài sống cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Phương Tr. Về con chung do các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không xem xét trong vụ án này, về nợ chung bà Tr và ông Đ mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng chính sách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXHVN vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ngân hàng theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện,có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do ông bà bất đồng quan điểm nên không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, càng lâu ngày mâu thuẫn càng trầm trọng và từ năm 2017 ông bà đã tự sống ly thân đến nay. Tại phiên tòa, bà Tr xác định không còn tình cảm do mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà Tr yêu cầu giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Đ, còn ông Đ xác định không thể hàn gắn quan hệ tình cảm nên ông Đ cũng đồng ý giải quyết theo yêu cầu của bà Tr. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Tr và ông Đ được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tU bố không công nhận bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ có 03 con chung là Trần Thị Bảo U, sinh năm 1990, Trần Thị Bảo D, sinh năm 1992; Trần Hải Ng, sinh năm 1994. Các con chung của ông bà hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà Tr và ông Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của bà Tr và ông Đ đối với các con.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 15/8/2018 và bản tự khai bà Nguyễn Phương Tr xác định bà và ông Trần Văn Đ tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên vào ngày 28 tháng 02 năm 2019 bà Nguyễn Phương Tr có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung, theo đó bà Nguyễn Phương Tr xác định bà và ông Trần Văn Đ có tài sản chung là diện tích đất khoảng 4000 m^2 tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 kèm công trình phụ, 01 ao nuôi cá còn lại là cây cà phê kinh doanh. Diện tích đất vườn cà phê khoảng 1600 m^2 tại thôn T, xã T, huyện L. Ước lượng tổng giá trị tài sản là 650.000.000 đồng. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Đ thì bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia đôi số tài sản trên cho ông bà. Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 74/TB-TA ngày 04/3/2019 và đã gửi cho bà Tr qua Đ bưu điện, sau đó tiếp tục tống đạt trực tiếp cho bà Tr vào ngày 04/4/2019, tuy nhiên đã quá thời hạn nhưng bà Tr không xuất trình biên lai thu tiền tạm ứng

án phí cho Tòa án, Tòa án cũng đã làm việc với bà Tr về vấn đề trên, bà Tr xác định đã nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà không nộp nên không xuất trình biên lai cho Tòa án, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, cả bà Tr và ông Đ đều xác định không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Trường hợp sau này các đương sự không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ cùng xác định có nợ Ngân hàng CSXHVN, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc 68.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông bà thì bà Tr đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Tr yêu cầu ông Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên còn ông Đ không đồng ý mà yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ trên được hình thành trong thời gian ông Đ, bà Tr chung sống và mục đích vay là để nuôi con chung đi học nên cần xác định đây là nợ chung của bà Tr và ông Đ. Vì vậy, buộc bà Tr, ông Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Ngân hàng CSXHVN, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc là tiền 34.000.000 đồng, tiền lãi là 1.112.000đồng (đã làm tròn số). Đồng thời bà Tr, ông Đ phải chịu lãi phát sinh nợ gốc sau ngày 24/12/2018 theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Đối với yêu cầu của ông Đ tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Tr phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Đ ½ số tiền lãi mà ông Đ đã trả cho Ngân hàng kể từ khi ông bà không chung sống cho đến nay thì Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án ông Đ không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này, không xác định số tiền lãi mà ông yêu cầu bà Tr phải thanh toán lại cho ông là bao nhiêu, từ thời điểm nào đến thời điểm nào mà ông Đ chỉ trình bày hiện nay ông bà còn nợ NHCSXHhuyện Lâm Hà bao nhiêu thì đề nghị Tòa án xem xét mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số nợ trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông Đ.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Phương Tr phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc khởi kiện không công nhận là vợ chồng và 1.756.000 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ngân hàng.

Ông Trần Văn Đ phải chịu 1.756.000 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147, Điều 203 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Phương Tr. TU bố không công nhận bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

2. Về nợ chung: Bà Nguyễn Phương Tr và ông Trần Văn Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CSXHVN, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền gốc là 34.000.000 đồng, tiền lãi là 1.112.000đồng (đã làm tròn số). Đồng thời bà Tr, ông Đ phải chịu lãi phát sinh nợ gốc sau ngày 24/12/2018 theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ gốc.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Phương Tr phải chịu 2.056.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Phương Tr đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000863 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà Tr còn phải nộp 1.756.000 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn Đ phải nộp 1.756.000 đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Báo cho Ng đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tU án (27/6/2019), còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Như Quỳnh